SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU VÀO ĐIỂM THI

LỚP : **11TH1** NGÀNH : **TIN HỌC**

HỌC KỲ : **II** NĂM HỌC : **2011-2012**

MÔN: **MẠNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

GIỜ THI : NGÀY THI : PHÒNG THI :

CÁN BỘ COI THI 1 (ký & ghi họ tên):

CÁN BỘ COI THI 2 (ký & ghi họ tên):

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày Sinh	Qúa trình					Thi		Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú
					HS1	HS1	HS2	HS2	TB K	L1	L2						
1	11TH001	Đoàn Minh	**Anh**	13/09/1992	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
2	11TH002	Nguyễn Khắc	**Chung**	24/02/1993	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
3	11TH003	Nguyễn Chí	**Công**	11/11/1991	8.0		9.0		8.7	7.0		7.0	7.9				
4	11TH004	Sơn Hải	**Đăng**	30/07/1992	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
5	11TH005	Hoàng Thị	**Hà**	20/02/1989	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
6	11TH006	Trịnh Ngọc	**Hảo**	14/01/1991	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
7	11TH007	Nguyễn Đình	**Hiệu**	05/11/1990	7.0		8.0		7.7	8.0		8.0	7.9				
8	11TH008	Nguyễn Văn	**Hiệu**	23/05/1991	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
9	11TH009	Nguyễn Phương	**Hùng**	10/11/1992	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
10	11TH010	Đào Quốc	**Hưng**	16/03/1993	6.0		7.0		6.7	7.0		7.0	6.9				
11	11TH011	Trương Quang	**Huy**	23/08/1992	8.0		8.0		8.0	9.0		9.0	8.5				
12	11TH012	Lê Kim Nguyên	**Khang**	24/04/1992	7.0		8.0		7.7	0.0		0.0	3.9				
13	11TH013	Nguyễn Thế	**Linh**	15/06/1983	9.0		9.0		9.0	9.0		9.0	9.0				
14	11TH014	Nguyễn Duy	**Linh**	19/05/1990	8.0		9.0		8.7	9.0		9.0	8.9				
15	11TH015	Trần Nhị	**Nhanh**	04/09/1989	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
16	11TH016	Đỗ Tấn	**Phát**	12/05/1992	7.0		8.0		7.7	0.0		0.0	3.9				
17	11TH017	Nguyễn Gia	**Thân**	17/08/1992	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
18	11TH018	Lê Văn	**Thìn**	10/05/1989	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
19	11TH019	Nguyễn Hữu	**Thọ**	20/01/1992	7.0		8.0		7.7	7.0		7.0	7.4				
20	11TH020	Nguyễn Vũ	**Thường**	25/07/1990	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
21	11TH021	Sơn	**Trúc**	1988	5.0		6.0		5.7	6.0		6.0	5.9				
22	11TH022	Trần Văn	**Viên**	14/11/1989	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
23	11TH023	Nguyễn Anh	**Vũ**	20/09/1989	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				
24	11CB003	Nguyễn Thị Tường	**Nguy**	02/09/1993	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
25	11XD023	Lài Phi	**Hùng**	03/12/1990	7.0		7.0		7.0	8.0		8.0	7.5				
26	11CB007	Nguyễn Văn	**Thanh**	15/08/1993	0.0		0.0		0.0	0.0		0.0	0.0				
27	11DL015	Y Đê	**Niêl**	10/12/1991	7.0		7.0		7.0	7.0		7.0	7.0				
28	12TH1	Nguyễn Hữu	**Hoàng**	12/03/1991	6.0		7.0		6.7	7.0		7.0	6.9				
29	D09TH037	Nguyễn Ngọc	**Hiếu**	15/09/1990	8.0		8.0		8.0	8.0		8.0	8.0				

TT	Mã HS	Họ & Tên	Ngày Sinh	Qúa trình	Thi	Thi	Tổng Kết L1	Tổng Kết L2	Số tờ	Chữ ký	Ghi chú

Tổng số : **29** học sinh

Số có mặt: …….học sinh

Số vắng: …….học sinh

TP. HCM, ngày …… tháng …..... Năm …….

Hiệu trưởng	**Cán bộ KT vào điểm**	**Giáo viên chấm thi 2**	**Giáo viên chấm thi 1**
	(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*